

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**



**HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

**Ngành:** **KỸ SƯ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**Mã số:** **7520320**

**Tên cơ sở đào tạo:** **ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

**Trình độ đào tạo:** **ĐẠI HỌC**

**BÌNH DƯƠNG, NĂM 2021**

**TỜ TRÌNH**  
**ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành: KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG; Mã số: 7520320

Trình độ đào tạo: Đại học

**Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo**

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sứ mệnh của Trường là đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực.

Với triết lý "Tất cả cán bộ, giảng viên, viên chức, học viên và các bạn sinh viên hãy dấn thân, tận tâm, tận lực, góp sức cùng mang **"khát vọng - trách nhiệm - sáng tạo"** vào các hoạt động của nhà trường; nỗ lực từng ngày để trường Đại học Thủ Dầu Một phát triển bền vững, trở thành địa chỉ tin cậy trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ của Việt Nam và quốc tế".

Trường Đại học Thủ Dầu Một vinh dự là thành viên của tổ chức CDIO thế giới (từ năm 2015); Là thành viên liên kết của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á – AUN (từ năm 2017). Tháng 11/2017, trường đạt Chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia. Tháng 10/2019, trường tiến hành đánh giá ngoài 4 chương trình đào tạo theo chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả đạt chuẩn 4 ngành. Tháng 12/2019, trường đánh giá ngoài 4 chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA, kết quả đạt chuẩn 4 ngành.

**Về nhân sự**, trường hiện có đội ngũ 723 cán bộ - viên chức, trong đó có 28 GS-PGS, 144 TS,... Bộ máy trường gồm Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, 09 khoa, 14 phòng-ban chức năng, 11 trung tâm, 03 viện nghiên cứu. Song song với việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu, nhà trường được sự cộng tác hỗ trợ của nhiều nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội và các trường đại học uy tín trong và ngoài nước...

**Về đào tạo**, trường đang đào tạo 40 ngành đại học, 9 ngành cao học, 1 ngành tiến sĩ, thuộc các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội

nhân văn, sư phạm. Quy mô của trường là gần 13.000 sinh viên chính quy và hơn 700 học viên sau đại học. Trường đang tập trung hoàn thiện lộ trình xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy theo triết lý giáo dục hoà hợp tích cực, dựa trên sáng kiến CDIO, đáp ứng chuẩn AUN-QA.

**Về nghiên cứu khoa học**, thực hiện chiến lược xây dựng trường thành trung tâm nghiên cứu, tư vấn có uy tín, trường đang triển khai 4 đề án nghiên cứu trọng điểm là Đề án nghiên cứu về Đông Nam Bộ, Đề án nghiên cứu Nông nghiệp chất lượng cao, Đề án nghiên cứu Thành phố thông minh Bình Dương, Đề án nghiên cứu Chất lượng giáo dục. Các đề án, công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu với ứng dụng, giữa đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hai năm liên tục, trường đều nằm trong top 50 cơ sở giáo dục có công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam (vị trí thứ 42 năm 2018 và vị trí thứ 27 năm 2019).

**Về hợp tác quốc tế**, trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 50 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, từ năm 2010, trường hỗ trợ đào tạo cho các sinh viên nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào theo thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Bình Dương và tỉnh Champasak, cụ thể là đào tạo nguồn nhân lực ở hai lĩnh vực kinh tế và công nghệ thông tin.

### **Cơ sở đào tạo**

» **Cơ sở hiện tại:** số 6 Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Khuôn viên Trường rộng 6,74 ha. Đây là nơi học tập, nghiên cứu của gần 19.000 CB-GV, SV của Trường.

» **Cơ sở đang xây dựng:** tọa lạc tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, Bến Cát với diện tích 57,6 ha được đầu tư xây dựng hiện đại, tích hợp nhiều công năng phục vụ hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu của Trường trong tương lai.

### **Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia**

Vùng Đông Nam Bộ (bao gồm 6 tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu) có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; hội tụ phần lớn các điều kiện và lợi thế nổi trội để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa (theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong Hội nghị “Quy hoạch phát triển nhân lực các tỉnh vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2020” ngày 27 tháng 12 năm 2010 tại Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Dự báo xác định nhu cầu nhân lực có trình độ tại TP Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2015 – 2020 đến năm 2025, dự kiến nhu cầu nhân lực 1 năm khoảng 270.000 chỗ việc làm trống.

Tổng hợp từ những yếu tố trên, Khoa Khoa học Quản lý của trường Đại học Thủ Dầu Một, đơn vị trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo nhận thấy việc tăng cường quy mô đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật môi trường là cần thiết. Đồng thời với những đầu tư vào công tác đào tạo cán bộ giảng dạy, nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường quản lý và giám sát quá trình đào tạo, tăng thời lượng thực hành và triết lý giáo dục hòa hợp tích cực. Đây chính là những thế mạnh của Trường Đại học Thủ Dầu Một. Điều này đảm bảo cho Khoa Khoa học Quản lý có môi trường đào tạo thuận lợi để phát triển đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường có chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu xã hội.

## **2. Kết luận và đề nghị**

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đứng chuyên ngành và có chuyên môn sâu trong lĩnh vực Tài nguyên và môi trường. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Kỹ thuật môi trường trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. NGÔ HỒNG DIỆP**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc mở ngành mới**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**  
**NHIỆM KỲ 1, KỲ HỌP LẦN THỨ BẢY**

Căn cứ Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Chiến lược phát triển trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2030 và Tờ trình số 26/TTr-ĐHTDM ngày 17/7/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc mở ngành mới;

Căn cứ kết quả thảo luận, thống nhất của thành viên Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một tại cuộc họp ngày 25/9/2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua việc mở 06 ngành đào tạo mới và chuyển đổi 04 ngành đào tạo trình độ Đại học để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Cụ thể:

**1. Mở mới:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210
2.	Dinh dưỡng	7720401
3.	Sư phạm tiếng Anh	7140231
4.	Truyền thông đa phương tiện	7320104
5.	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247
6.	Sư phạm Khoa học xã hội	7140249

**2. Chuyển đổi:**

STT	Tên ngành cũ	Mã ngành cũ	Tên ngành mới	Mã ngành mới
1	Toán kinh tế	7310108	Sư phạm Toán học	7140209
2	Sinh học ứng dụng	7420203	Công nghệ Sinh học	7420201
3	Khoa học môi trường	7440301	Kỹ thuật Môi trường	7520320
4	Quốc tế học	7310601	Quan hệ quốc tế	7310206

Thời gian tuyển sinh: Năm 2021

**Điều 2.** Giao Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một chuẩn bị các điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở ngành theo quy định.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỞNG  
CHỦ TỊCH**



**PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ngày tháng năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

**Tên chương trình: Kỹ thuật môi trường**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

Ngành đào tạo: Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Mã ngành số: 7520320

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo kỹ thuật môi trường trình độ đại học nhằm mục tiêu đào tạo những kỹ sư môi trường có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp thành thạo, khả năng làm việc nhóm và tư duy cao giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật môi trường; có khả năng áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin; có kiến thức ngoại ngữ; có kiến thức căn bản về chính trị, pháp luật, xã hội; có phẩm chất đạo đức; có khả năng nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới về kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường phục vụ phát triển kinh tế xã hội Quốc gia.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

TT	Nội dung
1	PO1: Kiến thức chung: Đào tạo kỹ sư môi trường có các kiến thức về khoa học tự nhiên, môi trường và các vấn đề đương đại để giải quyết các vấn đề môi trường.
2	PO2: Kiến thức nghề nghiệp: Đào tạo kỹ sư môi trường có kiến thức chuyên môn để phân tích, đánh giá đề xuất các giải pháp quản lý, thiết kế kỹ thuật và vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường theo cách tiếp cận đúng chức năng, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả kinh tế, bền vững và thân thiện môi trường.
3	PO3: Kỹ năng chung: Đào tạo kỹ sư môi trường có kỹ năng tham gia hoặc lãnh đạo nhóm làm việc một cách hiệu quả, có kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp như nói, viết, đồ họa và đa phương tiện một cách hiệu quả trong môi trường làm việc đa quốc gia. Có khả năng thực hiện các thử nghiệm hoá học đáp ứng một cách hiệu quả các mục tiêu nghiên cứu và công việc thực tiễn

4	PO4: Kỹ năng làm việc: Đào tạo kỹ sư môi trường có tư duy phản biện, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực môi trường và các lĩnh vực liên quan, Sử dụng thành thạo các phần mềm, kỹ thuật và thiết bị hiện đại để tư vấn, thiết kế, thi công và lắp đặt các công trình kỹ thuật môi trường, đáp ứng các nhu cầu thực tế tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, công ty, xí nghiệp, các đơn vị tư vấn thiết kế dự án môi trường, các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu.
5	PO5: Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đào tạo kỹ sư môi trường có tác phong chuyên nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức có ý thức trách nhiệm cao trong công việc, đam mê học tập suốt đời, luôn hướng đến sự sáng tạo và khởi nghiệp.

## 2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

### 2.1. Kiến thức

ELO1: Áp dụng các kiến thức về khoa học tự nhiên, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào tìm hiểu các vấn đề môi trường.

ELO2: Áp dụng các kiến thức về hóa lý, sinh hóa, sinh học, cơ học, thủy lực, kết cấu, địa chất công trình ... trong xử lý ô nhiễm nước cấp, nước thải, môi trường đất, khí thải và chất thải rắn.

ELO3: Đánh giá toàn diện và chính xác các tác động của các yếu tố đến hiệu quả các công trình xử lý môi trường.

### 2.2. Kỹ năng

ELO4: Phối hợp một cách hiệu quả với nhóm làm việc cả trong vai trò là một thành viên hay nhà lãnh đạo nhóm, cùng nhau tạo ra môi trường hợp tác và hòa nhập, lập và triển khai kế hoạch làm việc đáp ứng các mục tiêu.

ELO5: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường kỹ thuật và xã hội; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.

ELO6: Vận dụng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trong quản lý kỹ thuật môi trường.

ELO7: Thiết kế và thực hiện các thí nghiệm khoa học để phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu, các mô hình để mô phỏng các quá trình trong kỹ thuật môi trường dựa trên các nguyên lý công nghệ, thiết bị, kỹ thuật tiên tiến.

ELO8: Tính toán, thiết kế, thi công, lắp đặt, vận hành và kiểm soát các công trình xử lý ô nhiễm môi trường trong thực tiễn theo các tiêu chuẩn hay kết quả thực nghiệm. Tư vấn các giải pháp quản lý kỹ thuật môi trường.



### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

ELO 9: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, lòng mong muốn bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững.

ELO10: Nhận biết nhu cầu và thể hiện sự sẵn sàng học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

### **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Khối lượng kiến thức toàn khóa tính bằng đơn vị học trình hoặc tín chỉ: 163 tín chỉ (trong đó 150 tín chỉ kiến thức ngành tích lũy + 8 tín chỉ kiến thức QPAN + 5 tín chỉ kiến thức GDTC).

### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Học sinh tốt nghiệp bậc THPT.

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Đào tạo thời gian 4,5 năm theo quy chế đào tạo đại học theo Quyết định số 204/QĐ-ĐHTDM-ĐTĐH do Hiệu trưởng ĐH Thủ Dầu Một ban hành ngày 6/5/2020.

Để được cấp bằng tốt nghiệp sinh viên phải hoàn tất tất cả các học phần, không nợ học phần nào và đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định hiện hành.

### **6. Cách thức đánh giá**

Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Quyết định số 1157/QĐ-ĐH TDM do Hiệu trưởng ĐH Thủ Dầu Một ban hành ngày 08/08/2015.

## 7. Nội dung chương trình

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo (học kỳ)	Khối lượng kiến thức toàn khóa (tín chỉ)		Kiến thức (tín chỉ)				
		Kiến thức tích lũy (Bắt buộc + tự chọn)	Điều kiện xét tốt nghiệp	Giáo dục đại cương	Kiến thức cơ sở/liên ngành	Kiến thức chuyên ngành		
						Kiến thức chuyên ngành	Thực tập	Báo cáo/Khóa luận tốt nghiệp
Kỹ sư	14	150	13	18	50	73	15	10
		163						

### 7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 18 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 0 TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Toán cao cấp A1	3	0	45	90	135	x		Không		1.2	
2	Hóa đại cương	2	0	30	60	90	x		Không		2.1	
3	Triết học Mác - Lênin	3	0	45	90	135	x		Không		2.2	
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	30	60	90	x		Không		2.3	
5	Nghiên cứu khoa học	2	0	30	60	90	x		Không		3.1	
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	30	60	90	x		Không		3.2	
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	30	60	90	x		Không		4.1	
8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	30	60	90	x		Không		4.2	
<b>TỔNG</b>		<b>18</b>	<b>0</b>	<b>270</b>	<b>540</b>	<b>810</b>						

**7.2. Kiến thức điều kiện tốt nghiệp: 13 TC (Bắt buộc: 13 TC; Tự chọn: 0 TC)**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Giáo dục thể chất (lý thuyết)	2	0	30	60	90	x		Không		1.2	
2	Giáo dục quốc phòng an ninh (lý thuyết)	5	0	75	150	225	x		Không		1.3	
3	Giáo dục quốc phòng an ninh (thực hành)	0	3	90	180	270	x		Không		1.3	
4	Giáo dục thể chất (thực hành)	0	3	90	180	270	x		Không		2.2	
<b>TỔNG</b>		<b>7</b>	<b>6</b>	<b>285</b>	<b>570</b>	<b>855</b>						

**7.3. Kiến thức cơ sở ngành/ liên ngành: 50 TC (Bắt buộc: 42 TC; Tự chọn: 8 TC)**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Nhập môn kỹ thuật môi trường	2	0	30	60	90	x				1.1	
2	Sinh học môi trường đại cương	2	0	30	60	90	x				1.1	
3	Vẽ kỹ thuật	2	0	30	60	90	x				1.1	
4	Hóa phân tích môi trường	2	0	30	60	90	x				1.1	
5	Biến đổi khí hậu	2	0	30	60	90	x				1.1	

6	Các phương pháp thống kê trong môi trường	2	0	30	60	90	x				1.2	
7	Hóa kỹ thuật môi trường	2	0	30	60	90	x				1.2	
8	Các quá trình sinh học trong môi trường	2	0	30	60	90	x				1.2	
9	Các quá trình hóa lý trong môi trường	2	0	30	60	90	x				1.3	
10	Thủy lực môi trường	2	0	30	60	90	x				1.3	
11	Luật và chính sách môi trường	2	0	30	60	90	x				2.1	
12	Kinh tế kỹ thuật	2	0	30	60	90	x				2.1	
13	Vi sinh môi trường	2	0	30	60	90	x				2.1	
14	Ứng dụng GIS trong môi trường	0	2	30	60	90	x				2.2	
15	Đánh giá tác động môi trường	2	0	30	60	90	x				2.3	
16	Thực hành vi sinh môi trường	0	2	60	120	180	x				2.3	
17	Thực hành phân tích môi trường	0	2	60	120	180	x				3.1	
18	Ứng dụng vẽ kỹ thuật trong môi trường	0	2	60	120	180	x				3.1	
19	Sử dụng năng lượng bền vững	2	0	30	60	90	x				3.1	
20	Quan trắc môi trường	0	2	60	120	180	x				3.2	
21	Đánh giá rủi ro môi trường	2	0	30	60	90		x			3.2	
22	Kiểm toán môi trường	2	0	30	60	90		x			3.2	
23	Đồ án đánh giá tác động môi trường	0	2	60	120	180	x				3.3	
24	Độc học môi trường	2	0	30	60	90		x			3.3	
25	Nhiệt động lực học môi trường	2	0	30	60	90		x			3.3	
<b>TỔNG</b>		<b>39</b>	<b>11</b>	<b>915</b>	<b>1830</b>	<b>2745</b>						

**7.4. Kiến thức chuyên ngành: 73 TC (Bắt buộc: 49 TC; Tự chọn: 24 TC)**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Mô hình hóa môi trường	2	0	30	60	90	x				2.1	
2	Các quá trình và thiết bị môi trường	2	0	30	60	90	x				2.1	
3	Internet vạn vật IOT	2	0	30	60	90		x			2.2	
4	Kinh tế tuần hoàn	2	0	30	60	90		x			2.2	
5	Thực hành mô hình hóa môi trường	0	2	60	120	180	x				2.3	
6	Kỹ thuật xử lý nước cấp	2	0	30	60	90	x				2.3	
7	Kỹ thuật xử lý nước thải	2	0	30	60	90	x				2.3	
8	Kỹ thuật xử lý khí thải	2	0	30	60	90	x				3.1	
9	Thực hành xử lý nước cấp	0	2	60	120	180	x				3.1	
10	Thực hành xử lý nước thải	0	2	60	120	180	x				3.1	
11	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3	0	45	90	135	x				3.2	
12	Thực hành xử lý khí thải	0	2	60	120	180	x				3.2	
13	Kỹ thuật lò đốt chất thải	2	0	30	60	90	x				3.3	

14	Thiết kế hệ thống xử lý chất thải	2	0	30	60	90	x				3.3	
15	Kiến tập	0	2	60	120	180	x				3.3	
16	Thực hành xử lý chất thải rắn	0	2	60	120	180	x				3.3	
17	Sản xuất sạch hơn	2	0	30	60	90		x			4.1	
18	ISO14001	2	0	30	60	90		x			4.1	
19	Kỹ thuật vận hành các công trình xử lý nước	2	0	30	60	90	x				4.1	
20	Kỹ thuật xử lý và kiểm soát tiếng ồn	2	0	30	60	90	x				4.1	
21	Quản lý tài nguyên môi trường	1	1	45	90	135	x				4.1	
22	Phân tích hệ thống môi trường	2	0	30	60	90	x				4.1	
23	Quản lý an toàn hóa chất	2	0	30	60	90		x			4.2	
24	Ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp	2	0	30	60	90		x			4.2	
25	Đánh giá kết quả môi trường doanh nghiệp	1	1	30	60	90	x				4.2	
26	Đánh giá an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	1	1	45	90	135	x				4.2	
27	Thiết kế thiết bị môi trường	2	0	30	60	90	x				4.2	
28	Giám sát thi công công trình xử lý môi trường	2	0	30	60	90	x				4.2	
29	Đồ án xử lý nước thải	0	2	60	120	180		x			4.3	
30	Đồ án xử lý khí thải	0	2	60	120	180		x			4.3	
31	Kết cấu công trình xây dựng - môi trường	2	0	30	60	90	x				4.3	
32	Mạng lưới cấp thoát nước	2	0	30	60	90	x				4.3	
33	Quản lý an toàn nghề nghiệp	1	1	45	90	135		x			5.1	
34	An toàn lao động và vệ sinh môi trường	2	0	30	60	90		x			5.1	

	công nghiệp											
35	Đồ án xử lý nước cấp	0	2	60	120	180		x			5.1	
36	Đồ án xử lý chất thải rắn	0	2	60	120	180		x			5.1	
<b>TỔNG</b>		<b>49</b>	<b>24</b>	<b>1440</b>	<b>2880</b>	<b>4320</b>						

**7.5. Thực tập: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Thực tập nghề kỹ thuật xử lý nước thải	0	5	150	300	450	x				4.3	
2	Thực tập nghề kỹ thuật xử lý nước cấp	0	5	150	300	450	x				5.1	
3	Thực tập tốt nghiệp	0	5	150	300	450	x				5.2	
<b>TỔNG</b>		<b>0</b>	<b>15</b>	<b>450</b>	<b>900</b>	<b>1350</b>						

**7.6. Báo cáo và khóa luận tốt nghiệp: 5 TC (Bắt buộc: 5 TC; Tự chọn: 0 TC)**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Khóa luận tốt nghiệp	0	10	300	600	900	x				5.2	
<b>TỔNG</b>		<b>0</b>	<b>10</b>	<b>300</b>	<b>600</b>	<b>900</b>						

## 8. Kế hoạch giảng dạy

### GIAI ĐOẠN I

#### 8.1. Học kỳ 1.1

T T	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Nhập môn kỹ thuật môi trường	2	0	30	60	90	x					
2	Sinh học môi trường đại cương	2	0	30	60	90	x					
3	Vi sinh môi trường	2	0	30	60	90	x					
4	Hóa phân tích môi trường	2	0	30	60	90	x					
5	Biến đổi khí hậu	2	0	30	60	90	x					
<b>TỔNG</b>		<b>10</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	<b>300</b>	<b>450</b>						

#### 8.2. Học kỳ 1.2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Toán cao cấp A1	3	0	45	90	135	x					
2	Giáo dục thể chất (lý thuyết)	2	0	30	60	90	x					



3	Thực hành vi sinh môi trường	0	2	30	60	90	x					
4	Hóa kỹ thuật môi trường	2	0	30	60	90	x					
5	Các quá trình sinh học trong môi trường	2	1	60	120	180	x					
<b>TỔNG</b>		<b>9</b>	<b>3</b>	<b>195</b>	<b>390</b>	<b>585</b>						

### 8.3. Học kỳ 1.3

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Giáo dục quốc phòng an ninh (lý thuyết)	5	0	75	150	225	x					
2	Giáo dục quốc phòng an ninh (thực hành)	0	3	90	180	270	x					
3	Các quá trình hóa lý trong môi trường	2	0	30	60	90	x					
4	Thủy lực môi trường	2	0	45	90	135	x					
<b>TỔNG</b>		<b>8</b>	<b>3</b>	<b>240</b>	<b>480</b>	<b>720</b>						

### 8.4. Học kỳ 2.1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Hóa đại cương	2	0	30	60	90						
2	Luật và chính sách môi trường	2	0	30	60	90	x					

4	Kinh tế kỹ thuật	2	0	30	60	90	x					
6	Các phương pháp thống kê trong môi trường	2	0	30	60	90	x					
7	Ứng dụng GIS trong môi trường	0	2	30	60	90	x					
8	Các quá trình và thiết bị môi trường	2	0	30	60	90	x					
<b>TỔNG</b>		<b>10</b>	<b>2</b>	<b>180</b>	<b>360</b>	<b>540</b>						

### 8.5. Học kỳ 2.2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Triết học Mác - Lênin	3	0	45	90	135	x					
2	Giáo dục thể chất (thực hành)	0	3	90	180	270	x					
3	Mô hình hóa môi trường	2	0	30	60	90	x					
4	Internet vạn vật IOT	2	0	30	60	90		x				
5	Kinh tế tuần hoàn	2	0	30	60	90		x				
<b>TỔNG</b>		<b>9</b>	<b>3</b>	<b>225</b>	<b>450</b>	<b>675</b>						

### 8.6. Học kỳ 2.3

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Triết học Mác - Lênin	2	0	30	60	90	x					

2	Quan trắc môi trường	0	2	30	60	90	x					
3	Vẽ kỹ thuật	2	0	60	120	180	x					
4	Thực hành mô hình hóa môi trường	0	2	60	120	180	x					
5	Kỹ thuật xử lý nước cấp	2	0	30	60	90	x					
6	Kỹ thuật xử lý nước thải	2	0	30	60	90	x					
<b>TỔNG</b>		<b>8</b>	<b>4</b>	<b>240</b>	<b>480</b>	<b>720</b>						

## GIAI ĐOẠN II

### 8.7. Học kỳ 3.1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Nghiên cứu khoa học	2	0	30	60	90	x					
2	Thực hành phân tích môi trường	0	2	60	120	180	x					
3	Ứng dụng vẽ kỹ thuật trong môi trường	0	2	60	120	180	x					
4	Nhiệt động lực học môi trường	2	0	30	60	90	x					
5	Kỹ thuật xử lý khí thải	2	0	30	60	90	x					
6	Thực hành xử lý nước cấp	0	2	60	120	180	x					
7	Thực hành xử lý nước thải	0	2	60	120	180	x					
<b>TỔNG</b>		<b>6</b>	<b>8</b>	<b>330</b>	<b>660</b>	<b>990</b>						

### 8.8. Học kỳ 3.2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	30	60	90	x					
2	Đánh giá tác động môi trường	2	0	60	120	180	x					
3	Đánh giá rủi ro môi trường	2	0	30	60	90		x				
4	Kiểm toán môi trường	2	0	30	60	90		x				
5	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3	0	45	90	135	x					
6	Thực hành xử lý khí thải	0	2	60	120	180	x					
<b>TỔNG</b>		<b>9</b>	<b>4</b>	<b>255</b>	<b>510</b>	<b>765</b>						

### 8.9. Học kỳ 3.3

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Đồ án đánh giá tác động môi trường	0	2	60	120	180	x					
2	Độc học môi trường	2	0	30	60	90		x				
3	Sử dụng năng lượng bền vững	2	0	30	60	90		x				
4	Kỹ thuật lò đốt chất thải	2	0	30	60	90	x					
5	Thiết kế hệ thống xử lý chất thải	2	0	30	60	90	x					

6	Kiến tập	0	2	60	120	180	x					
7	Thực hành xử lý chất thải rắn	0	2	60	120	180	x					
<b>TỔNG</b>		<b>8</b>	<b>6</b>	<b>300</b>	<b>600</b>	<b>900</b>						

#### 8.10. Học kỳ 4.1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	30	60	90	x					
2	Sản xuất sạch hơn	2	0	30	60	90		x				
3	ISO14001	2	0	30	60	90		x				
4	Kỹ thuật vận hành các công trình xử lý nước	2	0	30	60	90	x					
5	Kỹ thuật xử lý và kiểm soát tiếng ồn	2	0	30	60	90	x					
6	Quản lý tài nguyên môi trường	1	1	45	90	135	x					
7	Phân tích hệ thống môi trường	2	0	30	60	90	x					
<b>TỔNG</b>		<b>13</b>	<b>1</b>	<b>225</b>	<b>450</b>	<b>675</b>						

### 8.11. Học kỳ 4.2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	30	60	90	x					
2	Quản lý an toàn hóa chất	2	0	30	60	90		x				
3	Ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp	2	0	30	60	90		x				
4	Đánh giá kết quả môi trường doanh nghiệp	2	0	30	60	90	x					
5	Đánh giá an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	1	1	45	90	135	x					
6	Thiết kế thiết bị môi trường	2	0	30	60	90	x					
7	Giám sát thi công công trình xử lý môi trường	2	0	30	60	90	x					
<b>TỔNG</b>		<b>13</b>	<b>1</b>	<b>225</b>	<b>450</b>	<b>675</b>						

### 8.12. Học kỳ 4.3

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Đồ án xử lý nước thải	0	2	60	120	180		x				
2	Đồ án xử lý khí thải	0	2	60	120	180		x				
3	Kết cấu công trình xây dựng - môi trường	2	0	30	60	90	x					
4	Mạng lưới cấp thoát nước	2	0	30	60	90	x					

5	Thực tập nghề kỹ thuật xử lý nước thải	0	5	150	300	450	x					
<b>TỔNG</b>		<b>4</b>	<b>9</b>	<b>330</b>	<b>660</b>	<b>990</b>						

### 8.13. Học kỳ 5.1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Quản lý an toàn nghề nghiệp	1	1	45	90	135		x				
2	An toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp	2	0	30	60	90		x				
3	Đồ án xử lý nước cấp	0	2	60	120	180	x					
4	Đồ án xử lý chất thải rắn	0	2	60	120	180	x					
5	Thực tập nghề kỹ thuật xử lý nước cấp	0	5	150	300	450	x					
<b>TỔNG</b>		<b>3</b>	<b>10</b>	<b>345</b>	<b>690</b>	<b>1035</b>						

### 8.14. Học kỳ 5.2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại		Điều kiện		Giai đoạn	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Ghi chú		
1	Thực tập tốt nghiệp	0	5	150	300	450	x					
2	Khóa luận tốt nghiệp	0	10	300	600	900	x					
<b>TỔNG</b>		<b>0</b>	<b>15</b>	<b>450</b>	<b>900</b>	<b>1350</b>						

*Bình Dương, ngày tháng năm 2021*

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
(đã ký)**

**TS. NGÔ HỒNG ĐIỆP**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ  
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN**

- Cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Các nội dung kiểm tra:

**1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở**

**1.1. *Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành***

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Đào Minh Trung	Tiến sĩ Việt Nam năm 2019	Công nghệ môi trường	Giảng viên chính Khoa KHQL, năm 2010	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 04/02/1980					
	Chức vụ: Giám đốc chương trình đào tạo					
2	Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	Thạc sĩ Việt Nam	Quản lý môi	Giảng viên chính Khoa	Đúng	Theo lý lịch khoa học

	Năm sinh: 22/09/1984	năm 2009	trường	KHQL, năm 2010		
	Chức vụ: Giảng viên					
3	Lê Thị Phơ	Thạc sĩ Việt Nam năm 2012	Hóa phân tích	Giảng viên chính Khoa KHQL, năm 2012	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 22/08/1984					
	Chức vụ: Giảng viên					
4	Lê Thị Đào	Thạc sỹ Việt Nam 2007	Khoa học kỹ thuật môi trường	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2010	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 02/01/1978					
	Chức vụ: Giảng viên					
5	Hoàng Lê Thụy Thùy Trang	Tiến sĩ Việt Nam năm 2020	Hóa vô cơ	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2020	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 28/07/1991					
	Chức vụ: Giảng viên					
6	Nguyễn Hiền Thân	Thạc sỹ Việt Nam 2013	Quản lý môi trường	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2017	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 10/11/1987					
	Chức vụ: Giảng viên					

7	Trương Quốc Minh	Thạc sỹ Việt Nam 2011	Công nghệ môi trường	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2015	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 27/04/1987					
	Chức vụ: Giảng viên					
8	Hồ Bích Liên	Thạc sỹ Việt Nam 2007	Khoa học cây trồng	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2008	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 16/11/1980					
	Chức vụ: Giảng viên					

**1.2. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Cử nhân Việt Nam năm 2019	Khoa học môi trường	Thư ký - Khoa KHQL, năm 2019		Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 03/02/1997					
	Chức vụ: Thư ký CT Khoa học môi trường					
2	Trần Thị Anh Thư	Tiến sỹ Việt Nam	Khoa học -	Giám đốc chương		Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh:					

	05/08/1984	2019	Quản lý môi trường	trình - Khoa KHQL		
	Chức vụ: Giám đốc chương trình					

## 2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

### 2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )		
1	Phòng học từ 20 – 30 chỗ ngồi	23	35	Tivi 65 inch	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập môn kỹ thuật môi trường.</li> <li>- Kết cấu công trình xây dựng - môi trường.</li> <li>- Mạng lưới cấp thoát nước.</li> <li>- Quản lý an toàn nghề nghiệp</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp.</li> </ul>	35	Đúng	
2	Phòng học từ 40 – 60 chỗ ngồi	91	60	Tivi 65 inch	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độc học môi trường</li> <li>- Nhiệt động lực học môi trường</li> <li>- Kỹ thuật lò đốt chất thải</li> <li>- Thiết kế hệ thống xử lý chất thải</li> </ul>	60	Đúng	

						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất sạch hơn</li> <li>- ISO14001</li> <li>- Kỹ thuật vận hành các công trình xử lý nước</li> <li>- Quản lý và tài nguyên môi trường</li> <li>- Quản lý an toàn hóa chất</li> <li>- Ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp</li> <li>- Đánh giá an toàn và sức khỏe nghề nghiệp</li> <li>- Thiết kế thiết bị môi trường</li> <li>- Giám sát thi công công trình XLMT</li> </ul>			
3	Phòng học từ 63 – 84 chỗ ngồi	42	75	Tivi 65 inch	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ kỹ thuật</li> <li>- Hóa phân tích môi trường</li> <li>- Hóa kỹ thuật môi trường</li> <li>- Các quá trình sinh học trong môi trường</li> <li>- Các quá trình hóa lý trong môi trường</li> </ul>	75	Đúng	

						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình hóa môi trường</li> <li>- Các quá trình và thiết bị môi trường</li> <li>- Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên môi trường</li> <li>- Internet vạn vật IOT</li> <li>- Kinh tế tuần hoàn</li> <li>- Đánh giá tác động môi trường</li> <li>- Phân tích hệ thống môi trường</li> <li>- Kỹ thuật xử lý nước cấp</li> <li>- Kỹ thuật xử lý nước thải</li> <li>- Kỹ thuật xử lý khí thải</li> <li>- Kỹ thuật xử lý và kiểm soát tiếng ồn</li> <li>- Quan trắc môi trường</li> <li>- Kiểm toán môi trường</li> <li>- Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại</li> <li>- Thủy lực môi trường</li> </ul>			
4	Phòng học từ 90-	16	95	Tivi	01	- Sinh học môi trường đại cương	95	Đúng	

	160 chỗ ngồi			65 inch		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biến đổi khí hậu</li> <li>- Các phương pháp thống kê trong kỹ thuật môi trường</li> <li>- Luật và chính sách môi trường</li> <li>- Kinh tế kỹ thuật</li> <li>- Quản lý môi trường đô thị và KCN</li> <li>- Sử dụng năng lượng bền vững</li> </ul>			
5	Hội trường 1 sức chứa 250 chỗ ngồi	01	120	Màn hình 300 inch	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu khoa học</li> <li>- Hóa đại cương</li> <li>- Toán cao cấp A1</li> <li>- Giáo dục quốc phòng an ninh (lý thuyết)</li> <li>- Đánh giá kết quả môi trường doanh nghiệp</li> </ul>	120	Đúng	
6	Hội trường 2 sức chứa 660 chỗ ngồi	01	200	Màn hình 300 inch	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục thể chất (lý thuyết)</li> <li>- Triết học Mác - Lênin</li> <li>- Kinh tế chính trị Mác - Lênin</li> <li>- Chủ nghĩa xã hội khoa học</li> <li>- Tư tưởng Hồ Chí Minh</li> </ul>	200	Đúng	



						- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			
7	Phòng máy tính	09	70	Bộ máy vi tính để bàn	500	- Ứng dụng vẽ kỹ thuật môi trường - Thực hành mô hình hóa môi trường	70	Đúng	

**2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành**

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần		
1	Phòng thí nghiệm hóa phân tích	50					
2	Phòng thí nghiệm vi sinh	50	- Cân phân tích - Tủ sấy	1 1	- Thí nghiệm vi sinh môi trường	Đúng	

3	Phòng thí nghiệm môi trường	60	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân phân tích</li> <li>- Máy quang phổ UV-VIS</li> <li>- Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS</li> </ul>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm phân tích môi trường</li> </ul>	Đúng	
4	Phòng thí nghiệm thực hành cơ sở 2				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành xử lý nước thải</li> <li>- Quan trắc môi trường</li> <li>- Đồ án đánh giá tác động môi trường</li> <li>- Kiến tập</li> <li>- Thực hành xử lý chất thải rắn</li> <li>- Thực hành xử lý nước cấp</li> <li>- Thực hành xử lý không khí</li> <li>- Đồ án môn học xử lý nước thải</li> <li>- Đồ án môn học xử lý khí thải</li> <li>- Thực tập nghề kỹ thuật xử lý nước thải</li> <li>- Đồ án môn học xử lý nước cấp</li> <li>- Đồ án môn học xử lý chất thải rắn</li> <li>- Thực tập nghề kỹ thuật xử lý nước thải</li> </ul>	Đúng	

					- Thực tập nghề kỹ thuật xử lý nước cấp - Thực tập tốt nghiệp		
--	--	--	--	--	--	--	--

### 2.3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1.980 m<sup>2</sup>.
- Diện tích phòng đọc: 1.410 m<sup>2</sup>.
- Số chỗ ngồi: 486; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40.
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0 do công ty Tinh Vân cung cấp.
- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn.
- Số lượng sách, giáo trình: 7596 đầu sách, 90.694 bản sách.
- Tài liệu điện tử: sách 2.750, bài báo 5.600.
- Ngoài ra, Thư viện còn có 3.110 file bài trích toàn văn báo - tạp chí các lĩnh vực và mua quyền truy cập 6 cơ sở dữ liệu trong ngoài nước: Proquest central, Credo Reference, SpringerLink, Tài liệu KH&CN VN, Báo cáo kết quả NCKH đề tài các cấp, Tailieu.vn
- Lượng truy cập trung bình 429 lượt/ngày.
- Liên thông trao đổi: Thư viện có 1.272 ebook nằm trên trang Tailieu.vn (<http://elib.tdmu.edu.vn/>) có trao đổi với hơn 50 trường ĐH, CĐ cùng mua CSDL của Tailieu.vn.

**2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo**

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
<b>I</b>	<b>KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>					
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Đình Qua	Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	5	Nghiên cứu khoa học
3	Giáo trình triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Triết học mác - lenin
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị mác - lenin
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Tư tưởng hồ chí minh
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2013	30	Lịch sử đảng cộng sản việt nam
<b>II</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ/ LIÊN NGÀNH</b>					

1	Nhập môn về Kỹ thuật	Phạm Văn Toàn, Phạm Công Bằng	Nhà xuất bản ĐHQG Tp.HCM	2014		Nhập môn kỹ thuật môi trường
	Giáo trình Môi trường và con người	Lê Thị Thanh Mai	Nhà xuất bản ĐHQG Tp.HCM	2007		
2	Microbiology for Environmental Scientists and Engineers	Anthony F. Gaudy J. Elizabeth T. Gaudy	Printed in United State of America	1980		Sinh học môi trường đại cương
	Giáo trình Công nghệ Sinh học Môi trường	Lê Phi Nga, Jean-Paul Schwitzguebels	. Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2006		
3	Vẽ kỹ thuật cơ khí tập 1 và 2	Trần Hữu Quế	Nhà xuất bản Giáo dục.	2013		Vẽ kỹ thuật môi trường
	Bài tập vẽ kỹ thuật cơ khí tập 1 và 2	Trần Hữu Quế	Nhà xuất bản Giáo dục.	2016		
4	Hóa học phân tích - Phần I: Cơ sở lý thuyết các phương pháp hóa học phân tích	Từ Vọng Nghi	NXB ĐHQG Hà Nội	2001		Hóa phân tích

	Hóa học phân tích - Phần III: Các phương pháp định lượng hóa học	Nguyễn Tinh Dung	NXB Giáo dục, Hà Nội	2000		
5	Giáo trình biến đổi khí hậu	Phan Đình Tuần	NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ .	2017		Biến đổi khí hậu
	Sông Mê Kông hay sông Cửu Long với biến đổi khí hậu toàn cầu	Ngô Lực Tải	NXB Tổng hợp Tp.Hồ chí Minh.	2017		
6	Thống kê và Xử lý dữ liệu môi trường	Chê đình Lý		2011		Các phương pháp thống kê trong kỹ thuật môi trường
7	Giáo trình Hóa kỹ thuật môi trường	Nguyễn Văn Súc	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2015		Hóa kỹ thuật môi trường
8	Giáo trình Công nghệ Sinh học Môi trường.	Lê Phi Nga, Jean- Paul Schwizguebél	NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2006		Các quá trình sinh học trong môi trường

9	Các quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm, Tập 1: Các Quá trình và thiết bị cơ học, Quyển 2: Phân riêng bằng khí động, Lực ly tâm, Bơm Quạt, Máy nén, Tính hệ thống đường ống	Trần Hùng Dũng, Nguyễn Văn Lục, Vũ Bá Minh, Hoàng Minh Nam	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM	2005		Các quá trình hóa lý trong môi trường
10	Organizations' environmental performance indicators measuring, monitoring, and management	Ali Dada, Katarina Stanoevska, Jorge Marx Gómez	Springer	2013		Đánh giá kết quả môi trường doanh nghiệp
	Environmental management in organizations. The Institute of Environmental Management and	John Brady	(IEMA)	2005		

	Assessment					
11	Giáo trình Luật Môi trường	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân.	2006		Luật và chính sách môi trường
	Các thông tư, nghị định, quy phạm và tiêu chuẩn Việt Nam có liên quan đến môi trường.					
12	Giáo trình kinh tế môi trường	Hoàng Xuân Cơ	Nhà xuất bản Giáo dục	2005		Kinh tế kỹ thuật
13	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	Phạm Ngọc Đăng	NXB Xây dựng	2003		Quản lý môi trường đô thị và KCN
14	GIS Căn bản	Trần Trọng Đức	Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TPHCM	2005		Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên môi trường
15	Đánh giá tác động môi trường	Hoàng Xuân Cơ Phạm Ngọc Hồ	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2009		Đánh giá tác động môi trường



16	Sử dụng năng lượng hiệu quả	Nguyễn Trọng Phương	NXB Khoa Học Kỹ Thuật Hà Nội	2008		Sử dụng năng lượng bền vững
17	Thí nghiệm hóa kỹ thuật môi trường - Phần 1	Nguyễn Thị Thanh Phương	NXB Đại học quốc gia tp HCM	2005		Thí nghiệm phân tích môi trường
18	Giáo trình Autocad	Nguyễn Hữu Lộc	NXB KHKT	2008		Ứng dụng Autocad trong KTMT
19	Giáo Trình Vi Sinh Vật Học Môi Trường	Lê Xuân Phương	NXB Đại Học Quốc Gia.	2008		Thực hành vi sinh môi trường
	Introduction to environmental microbiology	Barbara kolwzan và ctv	Poland	2006		
20	Quan trắc môi trường	Trương Mạnh Tiến	NXB xây dựng Hà Nội	2002		Quan trắc môi trường
	Quan trắc chất lượng môi trường	Phạm Anh Đức	NXB Xây Dựng	2015		
21	Giáo trình đánh giá rủi ro môi trường.	Chế Đình Lý		2018		Đánh giá rủi ro môi trường

22	Giáo trình kiểm toán môi trường	Chế Đình Lý		2018		Kiểm toán môi trường
23	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường					Đồ án đánh giá tác động môi trường
	Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác					

	động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;					
24	Độc học môi trường cơ bản	Lê Huy Bá	Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2008		Độc học môi trường
	Độc học sinh thái	Đỗ Hồng Lan Chi	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.	2014		
25	Nhiệt động lực học kỹ thuật	Hoàng Đình Tín Lê Chí Hiệp	NXB KHKT	1997		Nhiệt động lực học môi trường
	Bài tập Nhiệt động lực học KT & truyền nhiệt	Hoàng Đình Tín – Đỗ Hữu Hoàng – Hoàng Thị Nam Hương	NXB ĐHQG TpHCM	2008		
<b>III</b>	<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>					

1	Giáo trình Mô hình hóa Môi trường	Bùi Tá Long	Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TPHCM.	2008		Mô hình hóa môi trường
2	Các quá trình và thiết bị truyền nhiệt trong CNHH (Thực phẩm và Môi trường), phần 1, phần 3	Nguyễn Tấn Dũng	NXB ĐHQG TpHCM	2013		Các quá trình và thiết bị môi trường
	Quá trình và Thiết bị Công nghệ Hóa học và Thực phẩm – Bài tập Truyền Nhiệt	Phạm Văn Bôn	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2014		
	Sổ tay quá trình và thiết bị Công nghệ Hóa chất – Tập 1	Tập thể tác giả	NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội	2004		
3	Phương pháp xử lý số liệu thống kê trong môi trường	Chế Đình Lý	NXB ĐHQG TP.HCM	2014		Phân tích hệ thống môi trường
	Xử lý số liệu trong kỹ thuật	Nguyễn Doãn Ý	NXB KHKT	2009		

4	Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	Trịnh Xuân Lai	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	2003		Kỹ thuật xử lý nước cấp
5	Giáo trình công nghệ xử lý nước thải	Trần Văn Nhân Ngô Thị Nga	Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật	1999		Kỹ thuật xử lý nước thải
	Wastewater Engineering	Melcalf and Eddy	Reuse - Mc Graw Hill	1991		
	Xử lý nước thải đô thị công nghiệp – Tính toán thiết kế công trình	Lâm Minh Triết, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Phước Dân	NXB Đại học quốc gia TP HCM	2010		
6	Giáo trình công nghệ môi trường		Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội			Kỹ thuật xử lý khí thải
	Công nghệ xử lý chất thải khí	Nguyễn Xuân Nguyên	Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật			
	Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải		NXB Khoa học kỹ thuật			

7	Bài giảng Ô nhiễm tiếng ồn và kỹ thuật xử lý	Nguyễn Võ Minh Châu	NXB Đại học Cần Thơ.	2003	Kỹ thuật xử lý và kiểm soát tiếng ồn
	Công nghệ xử lý ồn rung	Nguyễn Chí Hiếu	NXB Đại học Kỹ thuật công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.	2009	
8	Giáo trình công nghệ xử lý nước thải	Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga	Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật	1999	Thực hành xử lý nước thải
	Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải	Trịnh Xuân Lai	NXB Xây Dựng Hà Nội	2002	
9	Quản lý và xử lý chất thải rắn	Nguyễn Văn Phước	NXB xây dựng, Hà Nội	2008	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và CTNH
10	Thủy lực môi trường	Huỳnh Phú	Viện Khoa học công nghệ & Quản lý môi trường – ĐH Công nghiệp thành phố Hồ	2008	Thủy lực môi trường

			Chí Minh			
	Bài tập thủy lực – Tập 1	Hoàng Văn Quý, Nguyễn Cảnh Cầm	NXB Xây Dựng, Hà Nội	2011		
11	Giáo trình kỹ thuật lò đốt chất thải nguy hại	Đinh Xuân Thắng	Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	2012		Kỹ thuật lò đốt chất thải
12	Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải (tập 1,2,3)	Trần Ngọc Chấn	Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật	1998		Thiết kế hệ thống xử lý chất thải
	Tập 13 quá trình thiết bị – Thiết kế hệ thống xử lý chất thải	Nguyễn Văn Phước				
13	Các công cụ quản lý môi trường	Đặng Mộng Lân	NXB Khoa học Kỹ thuật	2007		Kiến tập
	Giáo trình Công nghệ môi trường	Trịnh Thị Thanh	NXB ĐH Quốc gia Hà Nội	2004		
14	Quản lý và xử lý	Nguyễn Văn Phước	NXB xây dựng,	2008		Thực hành xử lý chất thải rắn

	chất thải rắn		Hà Nội			
15	Giáo trình Sản xuất sạch hơn	Nguyễn Đình Huân	NXB Đà Nẵng	2005		Sản xuất sạch hơn
16 17	ISO 14001:2015		Sayam Aroonsrimorakot	2003		ISO14001
	ISO 14001:2004					
	Documentation and control of environmental management system standard of ISO 14001.					
18	Quản lý vận hành và thiết kế nâng cấp nhà máy nước	Trịnh Xuân Lai	NXB Xây Dựng Hà Nội	2012		Kỹ thuật vận hành các công trình xử lý nước
	Sổ tay khảo sát, thiết kế, quản lý, vận hành các hệ thống cấp nước nông thôn	Trịnh Xuân Lai	NXB Xây Dựng Hà Nội	2012		
19	Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	Trịnh Xuân Lai	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ	2003		Thực hành xử lý nước cấp



			thuật			
20	Lý thuyết - Bài tập - Bài giải quy hoạch tuyến tính (tối ưu hóa)	Lê Khánh Luận	NXB TP. HCM	2008		Quản lý tài nguyên môi trường
	Quy hoạch tuyến tính	Phan Quốc Khánh	NXB Giáo dục	2003		
21	Mô hình hóa chất lượng nước mặt	Nguyễn Kỳ Phùng Nguyễn Thị Bảy	Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TPHCM.	2007		Thực hành mô hình hóa môi trường
22	Kỹ thuật an toàn trong sản xuất và sử dụng hóa chất	Nguyễn Thế Nghĩa	NXB Khoa học kỹ thuật	2000		Quản lý an toàn hóa chất
23	Kỹ thuật phòng chống cháy, nổ	Bùi Mạnh Hùng	NXB Xây dựng	2003		Ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp
24	Công nghệ xử lý chất thải khí	Nguyễn Xuân Nguyên	Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật			Thực hành xử lý không khí
	Sổ tay thủy khí động lực học ứng dụng	Hoàng Bá Chư, Trương Ngọc Tuấn	NXB. Khoa học và Kỹ thuật	2005		

25	OHSAS 18002:2008 HSAS18001-2007					Đánh giá an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
26	Cơ sở thiết kế, chế tạo thiết bị trong công nghệ sản xuất và môi trường	Lý Ngọc Minh	Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật	2009		Thiết kế thiết bị môi trường
	Tính toán, thiết kế các chi tiết thiết bị hóa chất và dầu khí	Hồ Lê Viên	Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội	2006		
27	Tư vấn dự án và tư vấn giám sát thi công xây dựng	Trịnh Quốc Thắng	Nhà Xuất Bản Xây Dựng	2009		Giám sát thi công công trình XLMT
	Pháp luật trong quản lý chất lượng công trình xây dựng	Lê Văn Thịnh	Cục Giám định NN về CLCTXD.	2006		
28	Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp - tính toán thiết kế công trình	Lâm Minh Triết, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Phước Dân	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2008		Đồ án môn học xử lý nước thải
	Giáo trình xử lý nước thải sinh hoạt	Nguyễn Văn Phước	NXB. Xây dựng	2007		

	& công nghiệp bằng phương pháp sinh học					
29	Công nghệ xử lý chất thải khí	Nguyễn Xuân Nguyên	Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật			Đồ án môn học xử lý khí thải
	Kỹ thuật thông gió	Trần Ngọc Chấn	NXB. Xây dựng	1998		
30	Các cấu kiện đặc biệt	Võ Bá Tầm	NXB Đại Học Quốc Gia TP. HCM	2003		Kết cấu công trình xây dựng - môi trường
	Pháp luật trong quản lý chất lượng công trình xây dựng. Cục Giám định NN về CLCTXD.	Lê Văn Thịnh		2006		
31	Cấp thoát nước	Trần Hiếu Nhuệ	NXB Khoa học kỹ thuật	2015		Mạng lưới cấp thoát nước
	Mạng lưới cấp nước	Hoàng Văn Huệ	NXB Xây dựng	2010		
	Thoát nước: Tập 1 - Mạng lưới thoát	Hoàng Văn Huệ	NXB Khoa học kỹ thuật	2010		

	nước					
	Giáo trình cấp nước	Vũ Thị Nga	NXB Xây dựng	2000		
32	Occupational health and safety management: A Practical Approach	Charles D. Reese	CRC Press, US	2008		Quản lý an toàn nghề nghiệp
	Security Management for occupational Safety	Michaelland	CRC Press, US	2014		
33	Giáo trình an toàn lao động	Nguyễn Thế Đạt	NXB Giáo Dục - Hà Nam	2005		An toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp
	Vệ sinh lao động	Nguyễn Bát Can	NXB Y Học – TP.HCM	1982		
34	Hướng dẫn thiết kế đồ án môn học mạng lưới cấp nước	Nguyễn Phương Thảo	Nhà Xuất Bản Xây Dựng	2012		Đồ án môn học xử lý nước cấp
	Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	Trịnh Xuân Lai	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	2003		

35	Quản lý và xử lý chất thải rắn	Nguyễn Văn Phước	NXB xây dựng, Hà Nội	2008		Đồ án môn học xử lý chất thải rắn
----	--------------------------------	------------------	----------------------	------	--	-----------------------------------

**2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo**

TT	Tên tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
<b>I</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ/ LIÊN NGÀNH</b>					
1	How to Write a Better Thesis. 2nd Edition	Evans, D. and Gruba, P.	Melbourne University Press	2005		Nhập môn kỹ thuật môi trường
2	Environmental Biotechnology	T. Srinivas	Department of biotechnology, Gitam university.	2008		Sinh học môi trường đại cương
	Hydrogen production by microalgae	John R. Benemann	Department of Plant and Microbial Biology, University of California Berkeley,	2000		

			Berkeley.			
3	Vẽ cơ khí	Vũ Tiến Đạt	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp.HCM	2006		Vẽ kỹ thuật
4	Giáo trình thực tập hoá học phân tích	Bộ môn Hoá Phân tích, Khoa Hoá	Trường ĐHQG Hà Nội	2001		Hóa phân tích môi trường
5	Những thông tin cập nhật về biến đổi khí hậu dùng cho các đối tượng cộng đồng	Ngô Trọng Thuận	NXB Tài nguyên Môi trường & Bản đồ Việt Nam	2017		Biến đổi khí hậu
6	Agri-Environmental Statistics for compilation of indicators, accounts and meeting other needs of decision makers	Narian P		2006		Các phương pháp thống kê trong kỹ thuật môi trường
	<a href="http://www.ebook4u.vn/download.htm;jsessionid=319247424BF05E808C88A801372D0983?fileId=20047">http://www.ebook4u.vn/download.htm;jsessionid=319247424BF05E808C88A801372D0983?fileId=20047</a>	Method and Application	Environmental Statistics			
7	Chemistry for Environmental Engineering and Science	Clair N.Sawyer	Mc GrawHill, New York.	2003		Hóa kỹ thuật môi trường

8	Hydrogen production by microalgae. Department of Plant and Microbial Biology.	John R. Benemann	University of California Berkeley, Berkeley	2000		Các quá trình sinh học trong môi trường
9	Quá trình và thiết bị công nghiệp hóa học và thực phẩm, Tập 3 Truyền khối	Võ Văn Bang và Vũ Bá Minh	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP.HCM	2001		Các quá trình hóa lý trong môi trường
10	Quyết định số 879/QĐ-TCMT về việc ban hành sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước		Tổng Cục Môi Trường	2011		Đánh giá kết quả môi trường doanh nghiệp
	Quyết định số 878 /QĐ-TCMT về việc ban hành sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng không khí (AQI).		Tổng Cục Môi Trường	2011		
11	Chiến lược và chính sách môi trường	Lê Văn Khoa	NXB ĐHQG HN	2000		Luật và chính sách môi trường
	Môi trường và luật quốc tế về môi trường	Nguyễn Trường Giang	NXB Chính trị	1996		
12	Kinh tế môi trường	R.Kerry Turner, David Pearce và Ian	Trung tâm nghiên cứu môi trường toàn cầu, Đại	1993		Kinh tế môi trường

		Bateman	học East Anglia và Đại học Luân Đôn.			
	Giáo trình kinh tế chất thải	Nguyễn Đình Hương	Nhà xuất bản Giáo dục	2006		
13	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	Lê Thanh Hải	Viện môi trường và tài nguyên, ĐH Quốc gia TPHCM.			Quản lý môi trường đô thị và KCN
14	Những kiến thức cơ bản về GIS và ứng dụng trong quy hoạch xây dựng đô thị	Nguyễn Bá Quảng	Nhà XB xây dựng	2006		Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên môi trường
15	Cơ sở đánh giá tác động môi trường	Lê Xuân Hồng	Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội	2006		Đánh giá tác động môi trường
16	Các bài giảng tham khảo					Sử dụng năng lượng bền vững



17	Phương pháp phân tích các chỉ tiêu môi trường	Đình Hải Hà	Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh – Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý môi trường.	2009		Thí nghiệm phân tích môi trường
	Phương pháp phân tích đất, nước, phân bón, cây trồng	Lê Văn Khoa	NXB Giáo dục, Hà Nội.	2006		
18	Các bài giảng tham khảo					Ứng dụng vẽ KTMT
19	Vi sinh vật công nghiệp	Lê Xuân Phương	NXB Xây dựng	2001		Thực hành vi sinh môi trường
	Vi sinh vật môi trường	Đỗ Hồng Lan Chi, Lâm Minh Triết	NXB Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh.	2005		
20	Water quality monitoring manual, Volume 1 (231 pages)	The Environmental Management Bureau	Woodfields Consultants, Inc	2008		Quan trắc môi trường

		Region Offices				
21	Risk Assessment Handbook Volume I	GRIFFIN, R. H	Human Health Evaluation.	1999		Đánh giá rủi ro môi trường
22	Guide to environmental accounting in Australia, Environmental Information Programme Publication Series no. 3	Bureau of Meteorology	Bureau of Meteorology, Canberra, Australia, 122p p.	2013		Kiểm toán môi trường
	A Case of Waste Management Accounting Auditing & Accountability Journal	Wei Qian and Roger Burritt , Gary Monroe	Environmental Management Accounting in Local Government	2011		
23	Tập I: giới thiệu, quy hoạch liên ngành, cơ sở hạ tầng hướng dẫn xây dựng nghiên cứu toàn diện về các khía cạnh môi trường của dự án.					Đề án đánh giá tác động môi trường
	Tập II: nông nghiệp, khai thác mỏ/năng lượng, thương mại/công nghiệp					

24	Độc học môi trường và sức khỏe con người	Trịnh Thị Thanh	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2000		Độc học môi trường
25	Giáo trình nhiệt động lực học kỹ thuật	Lê Kim Dưỡng	ĐHSPKT Tp.HCM	2005		Nhiệt động lực học môi trường
<b>II KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>						
1	Từ nghiên cứu đến công bố: Kỹ năng mềm cho nhà khoa học	Nguyễn Văn Tuấn	Nhà xuất bản tổng hợp Tp.HCM	2013		Mô hình hóa môi trường
2	Công nghệ lạnh, tập 1	Nguyễn Tấn Dũng	NXB ĐHQG	2008		Các quá trình và thiết bị môi trường
	Công nghệ lạnh ứng dụng trong sản xuất nước, nước đá, đá khô và giải khát	Nguyễn Tấn Dũng	NXB ĐHQG	2008		
3	Quy hoạch thực nghiệm	Nguyễn Cảnh	NXB Đại học Quốc gia	2004		Phân tích hệ thống môi trường
	Quy hoạch thực nghiệm trong kỹ thuật	Nguyễn Văn Dự	NXB KHKT	2011		
4	Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Khoa học và	2002		Kỹ thuật xử lý nước cấp

			Kỹ thuật			
	Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	2003		
5	Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải	Trịnh Xuân Lai	NXB Xây Dựng Hà Nội	2002		Kỹ thuật xử lý nước thải
	Xử lý nước thải đô thị, NXB Khoa học và Công nghệ	Trần Đức Hạ	NXB Xây Dựng, Hà Nội	2006		
6	Kỹ thuật bảo vệ môi trường công nghiệp	Nguyễn Văn Phước	ĐHQG Tp.HCM	2015		Kỹ thuật xử lý khí thải
	Ô nhiễm không khí và khí thải ( 3 tập)	Trần Ngọc Trán	Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật	2001		
7	Bài giảng ô nhiễm phóng xạ và tiếng ồn	Nguyễn Thị Lê	Đại học Bách khoa Đà Nẵng.	2007		Kỹ thuật xử lý và kiểm soát tiếng ồn
	Âm học và kiến trúc	Phạm Đức Nguyên	NXB Khoa học và kỹ thuật	2000		

8	Xử lý nước thải đô thị công nghiệp – Tính toán thiết kế công trình	Lâm Minh Triết, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Phước Dân	NXB Đại học quốc gia TP HCM	2010		Thực hành xử lý nước thải
	Handbook of Water and Wastewater treatment plant operations	Frank R. Spellman	Taylor and Francis Group	2009		
9	Quản lý CTR và Chất thải nguy hại	Tường Thị Hội	Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội.	2008		Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và CTNH
10	Thủy lực đại cương (Tóm tắt lý thuyết, bài tập, số liệu tra cứu)	Nguyễn Tài, Tạ Ngọc Cầu	NXB Xây dựng, Hà Nội	2008		Thủy lực môi trường
11	Lò hơi và thiết bị đốt	Hoàng Ngọc Dũng	NXB Giáo dục	2008		Kỹ thuật lò đốt chất thải
12	Xử lý nước thải đô thị, NXB Khoa học và Công nghệ	Trần Đức Hạ	NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội	2006		Thiết kế hệ thống xử lý chất thải
	Cấp nước, xử lý nước thiên nhiên cấp nước sinh hoạt và công nghiệp, tập 2	Trịnh Xuân Lai	NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội	2002		

13	Giáo trình xử lý chất thải công nghiệp	Nguyễn Văn Phước	NXB Xây dựng	2010	Kiến tập
	Giáo trình kỹ thuật xử lý chất thải công nghiệp	Nguyễn Văn Phước	Nhà xuất bản xây dựng.	2008	
14	Quản lý CTR và Chất thải nguy hại	Tường Thị Hội	Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội.	2008	Thực hành xử lý chất thải rắn
15	Quản trị tài chính căn bản	Nguyễn Quang Thu	NXB lao động	2011	Sản xuất sạch hơn
	Chương trình hợp tác phát triển Việt Nam- Đan Mạch về môi trường.	Tài liệu hướng dẫn sản xuất sạch hơn một số ngành công nghiệp	Bộ công thương	2011	
16	Environmental Management System ISO 14001:2004	Syed Imtiaz Haider	CRC Press	2011	ISO14001
	Environmental management quick and easy: creating an effective ISO 14001 EMS in half the time	Joe Kausek		2007	

17	Xử lý nước thải đô thị, NXB Khoa học và Công nghệ	Trần Đức Hạ	NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội	2006	Kỹ thuật vận hành các công trình xử lý nước
	Thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp	Trần Hiếu Nhuệ	NXB Khoa Học Và Kỹ Thuật Hà Nội	1999	
18	Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội	2002	Thực hành xử lý nước cấp
	Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội	2003	
19	Quy hoạch tuyến tính	Phí Mạnh Ban	NXB ĐHSP	2005	Quản lý và tài nguyên môi trường
20	Các tài liệu giảng dạy				Thực hành mô hình hóa môi trường
21	Kỹ thuật phòng chống cháy, nổ	Bùi Mạnh	NXB Xây	2003	Quản lý an toàn

		Hùng	dụng			hóa chất
	An toàn hóa chất và sức khỏe tại nơi làm việc	Bộ LĐTBXH	NXB Lao động – Xã hội	1999		
22	Kỹ thuật an toàn trong sản xuất và sử dụng hóa chất	Nguyễn Thế Nghĩa	NXB Khoa học kỹ thuật	2000		Ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp
	An toàn hóa chất và sức khỏe tại nơi làm việc		NXB Lao động – Xã hội	1999		
23	Kỹ thuật bảo vệ môi trường công nghiệp	Nguyễn văn Phước	ĐHQG Tp.HCM	2015		Thực hành xử lý không khí
	Ô nhiễm không khí và khí thải ( 3 tập)	Trần Ngọc Trán	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội	2001		
24	ISO 45001:2018O					Đánh giá an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
25	Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm	Nguyễn Bin	Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật Hà Nội	2000		Thiết kế thiết bị môi trường



26	Vật liệu xây dựng	Phùng Văn Lự, Phạm Duy Hữu, Phan Khắc Trí	NXB Giáo dục.	2003	Giám sát thi công công trình XLMT
	Environmental Requirements for Electromechanical and Electronic Equipment	Ray Tricker	Elsevier	1999	
27	Giáo trình công nghệ xử lý nước thải	Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội	1999	Đồ án môn học xử lý nước thải
	Thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp	Trần Hiếu Nhuệ	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội	1999	
28	Kỹ thuật bảo vệ môi trường công nghiệp	Nguyễn Văn Phước	ĐHQG Tp.HCM	2015	Đồ án môn học xử lý khí thải
	Ô nhiễm không khí và khí thải ( 3 tập)	Trần Ngọc Trán	Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật	2001	
29	Vật liệu xây dựng	Phùng Văn	NXB Giáo dục	2003	Kết cấu công trình

		Lự, Phạm Duy Hữu, Phan Khắc Trí				xây dựng - môi trường
	Environmental Requirements for Electromechanical and Electronic Equipment	Ray Tricker	Elsevier	1999		
30	Cấp nước tập I – Mạng lưới cấp nước	Nguyệu khác Xây	NXB Khoa học kỹ thuật	2001		Mạng lưới cấp thoát nước
31	An toàn, vệ sinh và chăm sóc sức khỏe trên công trường xây dựng.		Nhà xuất bản lao động xã hội			Quản lý an toàn nghề nghiệp
32	Bộ luật lao động	Bùi Thị Kim Ngân	NXB Hồng Đức	2012		An toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp
	Giáo trình luật lao động cơ bản	Diệp Thành Nguyên	Trường ĐH Cần Thơ	2014		
33	Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội	2002		Đồ án môn học xử lý nước cấp
	Handbook of water and waster treatment	Nicholas P. Cheremisinof	Butterworth &	2002		

	technologies	f	Heinemann			
34	Quản lý CTR và Chất thải nguy hại	Tường Thị Hội	Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội.	2008		Đồ án môn học xử lý chất thải rắn

**2.6. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo**

<b>STT</b>	<b>Tên doanh nghiệp/MOU</b>	<b>Địa chỉ /SĐT/mail</b>
1	Trung tâm quan trắc kỹ thuật - tài nguyên và môi trường Bình Dương	Số 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương
2	Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Dương	Tầng 9 – tháp A, Tòa nhà Trung tâm Hành chính tập trung tỉnh, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
3	Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Bình Dương	Tầng 11 – tháp A, Tòa nhà Trung tâm Hành chính tập trung tỉnh, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
4	Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Dương	Số 11 – đường Ngô Văn Trị - P.Phú Lợi – Tp.Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương
5	Công ty CPDV Công nghệ Xanh – Greentech	243/39/9/9 Huỳnh Văn Lũy, KP6, Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương
6	Công ty TNHH TM DV KT Môi Trường Việt	302/72 Phan Huy Ích, P12, Gò Vấp, Tp HCM
7	Công ty TNHH Điện Giang	105/3A Lê Văn Thọ, P9, Gò Vấp, Tp HCM
8	Công ty CP KT Môi Trường Kỹ Nguyên	53 Nguyễn Minh Hoàng, P12, Tân Bình, Tp HCM
9	Cty TNHH Dịch vụ Môi Trường An Nghiệp	Khu đất đầu mối kỹ thuật, đường N1, KCN An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
 (đã ký)

**TS. NGÔ HỒNG DIỆP**

## ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: Kỹ thuật môi Trường

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kỹ sư

Mã ngành số: 7520320

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương.

### I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

#### 1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sứ mệnh của Trường là đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực.

Với triết lý "Tất cả cán bộ, giảng viên, viên chức, học viên và các bạn sinh viên hãy dẫn thân, tận tâm, tận lực, góp sức cùng mang **"khát vọng - trách nhiệm - sáng tạo"** vào các hoạt động của nhà trường; nỗ lực từng ngày để trường Đại học Thủ Dầu Một phát triển bền vững, trở thành địa chỉ tin cậy trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ của Việt Nam và quốc tế".

Trường Đại học Thủ Dầu Một vinh dự là thành viên của tổ chức CDIO thế giới (từ năm 2015); Là thành viên liên kết của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á – AUN (từ năm 2017). Tháng 11/2017, trường đạt Chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia. Tháng 10/2019, trường tiến hành đánh giá ngoài 4 chương trình đào tạo theo chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả đạt chuẩn 4 ngành. Tháng 12/2019, trường đánh giá ngoài 4 chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA, kết quả đạt chuẩn 4 ngành.

**Về nhân sự,** trường hiện có đội ngũ 723 cán bộ - viên chức, trong đó có 28 GS-PGS, 144 TS,... Bộ máy trường gồm Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, 09 khoa, 14 phòng-ban chức năng, 11 trung tâm, 03 viện nghiên cứu. Song song với việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu, nhà trường được sự cộng tác hỗ trợ của nhiều nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội và các trường đại học uy tín trong và ngoài nước...

**Về đào tạo,** trường đang đào tạo 40 ngành đại học, 9 ngành cao học, 1 ngành tiến sĩ, thuộc các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm. Quy mô của trường là gần 13.000 sinh viên chính quy và hơn 700 học viên sau đại học. Trường đang tập trung hoàn thiện lộ trình xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy theo triết lý giáo dục hoà hợp tích cực, dựa trên sáng kiến CDIO, đáp ứng chuẩn AUN-QA.

**Về nghiên cứu khoa học,** thực hiện chiến lược xây dựng trường thành trung tâm nghiên cứu, tư vấn có uy tín, trường đang triển khai 4 đề án nghiên cứu trọng điểm là Đề án nghiên cứu về Đông Nam Bộ, Đề án nghiên cứu Nông nghiệp chất lượng cao, Đề án nghiên cứu Thành phố thông minh Bình Dương, Đề án nghiên cứu Chất lượng giáo dục. Các đề án, công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu với ứng dụng, giữa đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hai năm liên tục, trường đều nằm trong top 50 cơ sở giáo dục có công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam (vị trí thứ 42 năm 2018 và vị trí thứ 27 năm 2019).

**Về hợp tác quốc tế,** trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 50 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, từ năm 2010, trường hỗ trợ đào tạo cho các sinh viên nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào theo thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Bình Dương và tỉnh Champasak, cụ thể là đào tạo nguồn nhân lực ở hai lĩnh vực kinh tế và công nghệ thông tin.

### **Cơ sở đào tạo**

» **Cơ sở hiện tại:** số 6 Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Khuôn viên Trường rộng 6,74 ha. Đây là nơi học tập, nghiên cứu của gần 19.000 CB-GV, SV của Trường.

» **Cơ sở đang xây dựng:** tọa lạc tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, Bến Cát với diện tích 57,6 ha được đầu tư xây dựng hiện đại, tích hợp nhiều công năng phục vụ hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu của Trường trong tương lai.

## **2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành**

### **2.1. Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2040**

Chính sách tài nguyên Môi trường cho biết, việc nhìn nhận, đánh giá lại tình hình thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030 là rất quan trọng và cần thiết, nhằm đề ra những mục tiêu, định hướng cụ thể cho công tác bảo vệ môi trường ở nước ta trong thời kỳ mới, giai đoạn 2021-2030. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên tinh thần tiếp tục kế thừa các định hướng BVMT của Chiến lược BVMT đến năm 2030; bổ sung các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về BVMT, đặc biệt là chủ trương của Đảng tại Kết luận 56-KL/TW và xác định các vấn đề trọng điểm, cấp bách trong 10 năm tới.

Theo đó, đến năm 2030, xu hướng ô nhiễm, suy thoái môi trường từng bước được ngăn chặn, bảo đảm an ninh môi trường; giải quyết cơ bản các vấn đề môi trường trọng điểm cấp bách, từng bước cải thiện chất lượng môi trường; tăng cường hoạt động bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái quan trọng; khắc phục xu hướng suy giảm đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên; đẩy mạnh các hoạt động đồng lợi ích để đồng thời nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Để đạt được các mục tiêu trên, cần nêu lên 6 nhóm giải pháp sau: Nâng cao nhận thức của các cấp, ngành về vai trò của môi trường trong phát triển; biến ý thức thành hành động BVMT của các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; Tăng cường thực thi chính sách, pháp luật về BVMT thông qua nâng cao các biện pháp chế tài, tăng cường cung cấp, công khai, minh bạch thông tin và sự giám sát của cộng đồng; Huy động đầu tư từ xã hội, tăng dần ngân sách cho BVMT, tăng cường sử dụng hiệu quả nguồn lực trong BVMT; Hoàn thiện chính sách, pháp luật về BVMT phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa, áp dụng hiệu quả các công cụ kinh tế, thực hiện cải cách hành chính và nâng cao năng lực quản trị môi trường; Ứng dụng khoa học - công nghệ trong BVMT, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, xây dựng và phát triển ngành công nghiệp môi trường; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới quan trắc và cơ sở dữ liệu về môi trường; Tận dụng các cơ hội của quá trình hội nhập, tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế về BVMT.

### **2.2. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia**

Vùng Đông Nam Bộ (bao gồm 6 tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu) có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; hội tụ phần lớn các điều kiện và lợi thế nổi trội để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa (theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong Hội nghị

“Quy hoạch phát triển nhân lực các tỉnh vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2020” ngày 27 tháng 12 năm 2010 tại Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Dự báo xác định nhu cầu nhân lực có trình độ tại TP Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2015 – 2020 đến năm 2025, dự kiến nhu cầu nhân lực 1 năm khoảng 270.000 chỗ việc làm trống.

Tổng hợp từ những yếu tố trên, Khoa Khoa học Quản lý của trường Đại học Thủ Dầu Một, đơn vị trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo nhận thấy việc tăng cường quy mô đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật môi trường là cần thiết. Đồng thời với những đầu tư vào công tác đào tạo cán bộ giảng dạy, nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường quản lý và giám sát quá trình đào tạo, tăng thời lượng thực hành và triết lý giáo dục hòa hợp tích cực. Đây chính là những thế mạnh của Trường Đại học Thủ Dầu Một. Điều này đảm bảo cho Khoa Khoa học Quản lý có môi trường đào tạo thuận lợi để phát triển đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường có chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu xã hội.

## II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

### A. Năng lực cơ sở đào tạo.

*Bảng 1. Danh sách giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo*

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Đào Minh Trung	Tiến sĩ Việt Nam năm 2019	Công nghệ môi trường	Giảng viên chính Khoa KHQL, năm 2010	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 04/02/1980					
	Chức vụ: Giám đốc chương trình đào tạo					
2	Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	Thạc sĩ Việt Nam	Quản lý môi	Giảng viên chính Khoa	Đúng	Theo lý lịch khoa



	Năm sinh: 22/09/1984	năm 2009	trường	KHQL, năm 2010		học
	Chức vụ: Giảng viên					
3	Lê Thị Phơ	Thạc sĩ Việt Nam năm 2012	Hóa phân tích	Giảng viên chính Khoa KHQL, năm 2012	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 22/08/1984					
	Chức vụ: Giảng viên					
4	Lê Thị Đào	Thạc sĩ Việt Nam 2007	Khoa học kỹ thuật môi trường	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2010	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 02/01/1978					
	Chức vụ: Giảng viên					
5	Hoàng Lê Thụy Thùy Trang	Tiến sĩ Việt Nam năm 2020	Hóa vô cơ	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2020	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 28/07/1991					
	Chức vụ: Giảng viên					
6	Nguyễn Hiền Thân	Thạc sĩ Việt Nam 2013	Quản lý môi trường	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2017	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 10/11/1987					
	Chức vụ: Giảng viên					
7	Trương Quốc Mình	Thạc sĩ Việt Nam	Công nghệ	Giảng viên Khoa	Đúng	Theo lý lịch khoa

	Năm sinh: 27/04/1987	2011	môi trường	KHQL, năm 2015		học
	Chức vụ: Giảng viên					
8	Hồ Bích Liên	Thạc sỹ Việt Nam 2007	Khoa học cây trồng	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2008	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 16/11/1980					
	Chức vụ: Giảng viên					
9	Trần Thị Anh Thư	Tiến sỹ Việt Nam 2019	Khoa học - Quản lý môi trường	Giám đốc chương trình - Khoa KHQL	Đúng	Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 05/08/1984					
	Chức vụ: Giám đốc chương trình					
10	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Cử nhân Việt Nam năm 2019	Khoa học môi trường	Thư ký - Khoa KHQL, năm 2019		Theo lý lịch khoa học
	Năm sinh: 03/02/1997					
	Chức vụ: Thư ký CT Khoa học môi trường					

Bảng 2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	<p>Đào Minh Trung</p> <hr/> <p>Năm sinh: 04/02/1980</p> <hr/> <p>Chức vụ: Giám đốc chương trình đào tạo</p>	Tiến sĩ Việt Nam năm 2019	Công nghệ môi trường	Giảng viên chính Khoa KHQL, năm 2010	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập môn kỹ thuật môi trường.</li> <li>- Kỹ thuật xử lý nước thải.</li> <li>- Thực hành xử lý nước thải.</li> <li>- Thiết kế hệ thống xử lý chất thải.</li> <li>- Kỹ thuật vận hành các công trình xử lý nước.</li> <li>- Giám sát thi công công trình XLMT.</li> <li>- Đồ án môn học xử lý nước thải.</li> <li>- Kết cấu công trình xây dựng - môi trường.</li> <li>- Thực tập tốt nghiệp.</li> </ul>

2	Chê Đình Lý	Phó Giáo Sư Việt Nam năm 2014	Nông Lâm Nghệ	Giảng viên chính Khoa KHQL, năm 2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Các phương pháp thống kê trong kỹ thuật môi trường</li> <li>- Đánh giá tác động môi trường.</li> <li>- Kiểm toán môi trường.</li> <li>- Internet vạn vật (IOT).</li> <li>- Kinh tế tuần hoàn</li> </ul>
	Năm sinh: 26/06/1954				
	Chức vụ: Cán bộ nghiên cứu - GD				
3	Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	Thạc sĩ Việt Nam năm 2009	Quản lý môi trường	Giảng viên chính Khoa KHQL, năm 2010	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên môi trường.</li> <li>- Sử dụng năng lượng bền vững.</li> <li>- Thủy lực môi trường.</li> <li>- Đồ án đánh giá tác động môi trường.</li> <li>- Khoa học đất.</li> <li>- Phân tích hệ thống môi trường.</li> <li>- Thiết kế thiết bị môi trường</li> </ul>
	Năm sinh: 22/09/1984				
	Chức vụ: Giảng viên				
4	Lê Thị Phơ	Thạc sĩ Việt Nam năm 2012	Hóa phân tích	Giảng viên chính Khoa KHQL, năm 2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa phân tích.</li> <li>- Kinh tế kỹ thuật.</li> <li>- Thực hành phân tích môi trường.</li> </ul>

	Năm sinh: 22/08/1984				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt động lực học môi trường.</li> <li>- Kỹ thuật xử lý và kiểm soát tiếng ồn.</li> <li>- Thực hành mô hình hóa môi trường.</li> <li>- Đánh giá an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.</li> </ul>
	Chức vụ: Giảng viên				
5	Lê Thị Đào	Thạc sỹ Việt Nam 2007	Khoa học kỹ thuật môi trường	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2010	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biến đổi khí hậu.</li> <li>- Mô hình hóa môi trường.</li> <li>- Các quá trình và thiết bị môi trường.</li> </ul>
	Năm sinh: 02/01/1978				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật xử lý khí thải.</li> <li>- Kỹ thuật lò đốt chất thải.</li> </ul>
	Chức vụ: Giảng viên				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến tập</li> <li>- Thực hành xử lý không khí.</li> <li>- Đề án môn học xử lý khí thải</li> </ul>
6	Hoàng Lê Thụy Thùy Trang	Tiến sỹ Việt Nam năm 2020	Hóa vô cơ	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa kỹ thuật môi trường.</li> <li>- Các quá trình hóa lý trong môi trường.</li> <li>- Đánh giá kết quả</li> </ul>

	Năm sinh: 28/07/1991				môi trường doanh nghiệp. - Quan trắc môi trường. - Độc học môi trường. - Sản xuất sạch hơn. - Quản lý an toàn hóa chất. - Thực tập nghề kỹ thuật xử lý nước thải.
	Chức vụ: Giảng viên				
7	Nguyễn Hiền Thân	Thạc sỹ Việt Nam 2013	Quản lý môi trường	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2017	- Luật môi và chính sách trường.
	Năm sinh: 10/11/1987				- Đánh giá rủi ro môi trường.
	Chức vụ: Giảng viên				- ISO14001. - Quản lý tài nguyên môi trường. - Quản lý an toàn nghề nghiệp. - An toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp.
8	Trương Quốc Minh	Thạc sỹ Việt Nam 2011	Công nghệ môi trường	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2015	- Vẽ kỹ thuật.
	Năm sinh: 27/04/1987				- Ứng dụng vẽ kỹ thuật môi trường. - Kỹ thuật xử lý nước cấp. - Thực hành xử lý nước cấp. - Mạng lưới cấp thoát

	Chức vụ: Giảng viên				nước. - Đồ án môn học xử lý nước cấp. - Thực tập nghề kỹ thuật xử lý nước cấp
9	Hồ Bích Liên	Thạc sỹ Việt Nam 2007	Khoa học cây trồng	Giảng viên Khoa KHQL, năm 2008	- Sinh học môi trường đại cương.
	Năm sinh: 16/11/1980				- Các quá trình sinh học trong môi trường.
	Chức vụ: Giảng viên				- Quản lý môi trường đô thị và KCN. - Thí nghiệm vi sinh môi trường. - Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và CTNH. - Thực hành xử lý chất thải rắn. - Ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp. - Đồ án môn học xử lý chất thải rắn

## B. Chương trình đào tạo

Kỹ sư kỹ thuật môi trường, ngành học mang tính cấp thiết và phù hợp với hiện trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng về mức độ cũng như quy mô ở thời điểm hiện tại và cũng như trong tương lai. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường của trường Đại Học Thủ Dầu Một – Tỉnh Bình Dương từ năm 2021 được xây dựng theo hướng ứng dụng và được trang bị những kỹ năng thích ứng với sự thay đổi của thời đại. Kỹ sư môi trường sau khi tốt nghiệp, người trực tiếp bảo vệ môi trường và tạo giá trị chất lượng cuộc sống cho cộng đồng thông qua công tác tư vấn, thiết kế triển khai các công trình xử lý nước sạch; xử lý nước thải và chất thải khí và rắn. Và kỹ sư Kỹ thuật môi trường trường đại học thủ dầu một được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo có sự tham khảo với các chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ, Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Thành phố Hồ Chí Minh và tham khảo tài liệu phát triển chương trình đào tạo nhóm ngành Kỹ thuật môi trường. Hơn nữa, chương trình đào tạo ngành được xây dựng bởi các chuyên gia đầu ngành của Nhà trường, tham khảo ý kiến từ các chuyên gia và giảng viên dự kiến sẽ tham gia giảng dạy cho chương trình.

Chương trình được xây dựng theo chuẩn quốc tế: AUN – QA (ASEAN University Network Quality Assurance). Kỹ thuật môi trường của TDMU được đào tạo theo định hướng ứng dụng với 3 lĩnh vực chuyên sâu:

1. Kỹ thuật xử lý nước thải, nước cấp.
2. Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và khí thải.
3. Ứng dụng kinh tế môi trường tuần hoàn.

Sinh viên học tập trải nghiệm thiết kế & thi công tại các công trình liên quan đến nước cấp, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và công nghiệp nguy hại, ô nhiễm không khí, cấp thoát nước trong nhà;

#### **Thời gian học tập và thực hành:**

Chương trình học thực tế, năng động, hội nhập với triết lý giáo dục “Nhà trường và Doanh nghiệp”. Thời gian học tập thực tế tại các nhà máy xử lý môi trường, các khu công nghiệp, chế xuất, công ty tư vấn giải pháp môi trường chiếm thời lượng hơn 40% chương trình đào tạo. Các cơ sở thực hành, thực tập cho sinh viên là những đơn vị có quy mô hàng đầu trên địa bàn tỉnh cũng như khu vực.

Chương trình đào tạo bao gồm 150 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 14 học kỳ. Chương trình được hoàn thiện và góp ý bởi các chuyên gia đang công tác tại các doanh nghiệp về Kỹ thuật môi trường khu vực Bình Dương, Tp. HCM và các tỉnh lân cận.

Với sự hỗ trợ từ các chuyên gia từ nhiều phía liên quan như đã nêu trên, cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Kỹ thuật môi trường như sau:



Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo (học kỳ)	Khối lượng kiến thức toàn khóa (tín chỉ)		Kiến thức (tín chỉ)				
				Giáo dục đại cương	Kiến thức cơ sở/liên ngành	Kiến thức chuyên ngành		
		Kiến thức tích lũy (Bắt buộc + tự chọn)	Điều kiện xét tốt nghiệp			Kiến thức chuyên ngành	Thực tập	Báo cáo/Khóa luận tốt nghiệp
Kỹ sư	14	150	13	18	50	73	15	10
		163						

### C. Kế hoạch tuyển sinh

#### 1. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh tốt nghiệp THPT.

#### 2. Kế hoạch tuyển sinh

- Kế hoạch tuyển sinh trong 3 năm đầu: 150 sinh viên.
- Cụ thể đối tượng và kế hoạch tuyển sinh năm 2020 như sau:

STT	Ngành học	Mã ngành	Phương thức xét tuyển	Kế hoạch tuyển sinh (Số SV/năm)
1	Kỹ thuật môi trường	7520320	Phương thức 1: - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2021. Theo quy định của Bộ GD & ĐT.  Phương thức 2: - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia	50

			<p>TP.Hồ Chí Minh tổ chức năm 2021.</p> <p>Phương thức 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét tuyển thẳng học sinh giỏi năm lớp 12 của các trường THPT trong cả nước và tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của bộ GD &amp; ĐT.</li> </ul> <p>Phương thức 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét học bạ.</li> </ul>	
	<b>Tổng</b>			<b>50</b>

#### **D. Ý kiến của Hội đồng khoa học và Đào tạo**

(Có Biên bản và Quyết nghị kèm theo).

#### **III. Đề nghị và cam kết thực hiện**

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.
2. Đề nghị của cơ sở đào tạo.
3. Cam kết triển khai thực hiện.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
(đã ký)**

**TS. Ngô Hồng Điệp**

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH**

(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên ngành: Kỹ sư Kỹ thuật môi trường

Mã số: 7520320

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo	Ghi chú
1	<b>Sự cần thiết phải mở ngành</b> 1.1 Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia	Phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia vì là Tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	
	1.2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành	Phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV	
	1.3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có)	Đạt	
	1.4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo).	Phù hợp với kế hoạch phát triển của Trường là đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực.	
	1.5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo		
2	<b>Đội ngũ giảng viên</b> Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện	Tỉ lệ 100% giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo.	

	chương trình đào tạo.		
	<p>Giảng viên cơ hữu          Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần:          Số tiến sỹ cùng ngành:          Số thạc sỹ cùng ngành:          2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo</p>	<p>Giảng viên cơ hữu: 10          Số tiến sỹ cùng ngành: 2          Số tiến sỹ gần ngành: 3          Số thạc sỹ cùng ngành: 5          - NCS cùng ngành: 1          - NCS gần ngành: 2          2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo: 10</p>	
	2.4. Giảng viên thỉnh giảng	2.4. Giảng viên thỉnh giảng: 0	
	2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).		
3	<p><b>Cơ sở vật chất</b>          3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm          3.2. Thư viện, thư viện điện tử          3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo</p>	<p>3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm: Đủ dụng cụ, cơ sở vật chất thuận lợi cho sinh viên ngành Kỹ sư Kỹ thuật môi trường.          3.2. Thư viện, thư viện điện tử: Phong phú và nhiều nguồn truy cập thư viện điện tử.          3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo: Thường xuyên đăng tải thông tin hữu ích về ngành          Website trường: <a href="https://tdmu.edu.vn/">https://tdmu.edu.vn/</a>          Website Khoa Khoa học Quản lý: <a href="https://khql.tdmu.edu.vn/">https://khql.tdmu.edu.vn/</a></p>	
4	<p><b>Chương trình đào tạo</b>          4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo          4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo          4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo</p>	<p>4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo: Tổng quan về mục tiêu đào tạo và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Chương trình cân đối 14 học kỳ. Xây dựng Chương trình theo chuẩn kiểm định của Bộ giáo dục và đào tạo. Xây dựng chương trình theo vị trí việc làm phù hợp yêu cầu xã hội.          4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo: Thực hiện đúng theo quyết định.          4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo: Đào tạo hệ Kỹ sư 4.5 năm, 14 học kỳ, đào tạo theo hệ tín chỉ.</p>	

5	<b>Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng</b> 5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định: Có đầy đủ	
	5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định	5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định: Biên bản góp ý và thống nhất đủ điều kiện mở ngành của hội đồng thẩm định.	
	5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)		

Bình Dương, ngày tháng năm 2021

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Ngô Hồng Điệp**